

ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề thi có 04 trang)

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

 Mã đề thi : 602

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Câu 1: Thu nhập bình quân đầu người của nhóm nước đang phát triển thường thấp hơn so với nhóm nước phát triển, nguyên nhân chính là do

- A. lệ thuộc vào vốn đầu tư nước ngoài. B. cơ sở hạ tầng chưa được hoàn thiện.
 C. trình độ phát triển kinh tế còn thấp. D. trình độ lao động chưa được nâng cao.

Câu 2: Dạng địa hình nào sau đây khá phổ biến ở ven biển miền Trung nước ta?

- A. Núi đá vôi. B. Vũng vịnh nước sâu. C. Tam giác châu. D. Đồng bằng châu thổ.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây đúng với chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Thông minh, cần cù, có kinh nghiệm trong hoạt động dịch vụ.
 B. Cần cù, sáng tạo, giàu kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.
 C. Cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp.
 D. Sáng tạo, thông minh, có kinh nghiệm hoạt động thương mại.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về đặc điểm dân cư của khu vực Đông Nam Á?

- A. Dân số đông. B. Mật độ dân số cao. C. Phân bố đồng đều. D. Kết cấu dân số trẻ.

Câu 5: Gió tín phong Bắc bán cầu hoạt động ở nước ta tạo nên mùa khô cho khu vực nào sau đây?

- A. Nam Bộ. B. Đông Bắc. C. Tây Bắc. D. Trung Bộ.

Câu 6: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên. B. Ninh Thuận. C. Khánh Hòa. D. Đắk Lắk.

Câu 7: Cho bảng số liệu:**Diện tích cây công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 – 2015.**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2013	2014	2015
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	730,9	710,0	676,6
Cây công nghiệp lâu năm	2 010,5	2 110,9	2 133,5	2 154,5

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về diện tích cây công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng, cây công nghiệp lâu năm giảm.

- B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng nhanh hơn cây công nghiệp lâu năm.
- C. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng, cây công nghiệp hàng năm giảm liên tục.
- D. Diện tích cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết giá trị sản xuất công nghiệp nước ta qua các năm thay đổi như thế nào?

- A. Không ổn định từ năm 2000 đến 2007.
- B. Từ năm 2003 đến 2007 giảm rất nhanh.
- C. Tăng liên tục từ năm 2000 đến 2007.
- D. Từ năm 2006 đến 2007 tăng rất chậm.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết vùng kinh tế nào sau đây của nước ta **không** có khu kinh tế ven biển?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Cam-pu-chia?

- A. Bình Phước.
- B. Kon Tum.
- C. An Giang.
- D. Quảng Nam.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Mê Công?

- A. Sông Đồng Nai .
- B. Sông Tiền.
- C. Sông Hậu.
- D. Sông Đak Krông.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13-14, cho biết cao nguyên nào sau đây là cao nguyên badan?

- A. Sín Chải. B. Sơn La. C. Mộc Châu. D. Di Linh.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta?

- A. Tỷ trọng sản phẩm công nghiệp cao cấp giảm so với sản phẩm có chất lượng thấp.
B. Tỷ trọng sản phẩm công nghiệp cao cấp tăng so với sản phẩm có chất lượng thấp.
C. Tỷ trọng công nghiệp chế biến tăng so với tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác.
D. Tỷ trọng của chăn nuôi lấy trứng, sữa tăng còn chăn nuôi lấy thịt giảm tỷ trọng.

Câu 14: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bạc Liêu. B. Kiên Giang. C. Cà Mau. D. An Giang.

Câu 15: Bộ phận nào sau đây của nước ta là vùng biển được qui định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển?

- A. Thềm lục địa. B. Tiếp giáp lãnh hải. C. Lãnh hải. D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết Duyên hải Nam Trung Bộ cây bông được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên. B. Khánh Hòa.
C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 17: Cây lương thực quan trọng và truyền thống của các nước Đông Nam Á là

- A. lúa mì. B. ngô. C. lúa nước. D. khoai tây.

Câu 18: Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số quốc gia

(Đơn vị: USD)

Năm	2010	2015
Bru-nây	34 852,0	30 555,0
Cam-pu-chia	783,0	1 159,0
Lào	9 069,0	9 768,0
Mi-an-ma	2 145,0	2 904,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về so sánh tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo giá hiện hành giữa các quốc gia qua hai năm?

- A. Cam-pu-chia tăng chậm hơn Mi-an-ma. B. Lào tăng chậm hơn Mi-an-ma.
C. Bru-nây tăng nhanh hơn Lào. D. Lào tăng nhanh hơn Mi-an-ma.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây **không đúng** đối với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Có lực lượng lao động đông, kinh nghiệm. B. Cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối đồng bộ.
C. Có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời. D. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển sớm.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** với nền nông nghiệp nước ta?

- A. Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản không nhiều ở Đồng bằng sông Hồng.
B. Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản có nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản không có nhiều ở vùng Nam Trung Bộ.
D. Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản tập trung nhiều ở vùng Bắc Trung Bộ.

Câu 21: Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta có thể mạnh vượt trội nào sau đây?

- A. Nguồn lao động chất lượng hàng đầu cả nước. B. Nguồn nhiên liệu dầu khí có trữ lượng lớn.
C. Đất phù sa màu mỡ, diện tích lớn nhất nước. D. Có nhiều bãi tắm đẹp nổi tiếng nhất nước ta.

Câu 22: Ngoài ý nghĩa kinh tế, môi trường thì việc đẩy mạnh đánh bắt hải sản xa bờ ở nước ta còn có nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. Để giao lưu với nhiều nước. B. Nhằm giảm áp lực nuôi trồng.
C. Bảo vệ vùng trời, vùng biển. D. Bảo vệ môi trường ven biển.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây **không đúng** khi đề cập về những thách thức đối với ASEAN?

A. Trình độ phát triển chênh lệch.

C. Bảo vệ môi trường chưa hợp lí.

Câu 24: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về đặc điểm dân cư Nhật Bản?

A. Có cơ cấu dân số trẻ.

C. Tỷ lệ trẻ em giảm.

B. Việc tăng số lượng thành viên.

D. Vẫn còn tình trạng nghèo đói.

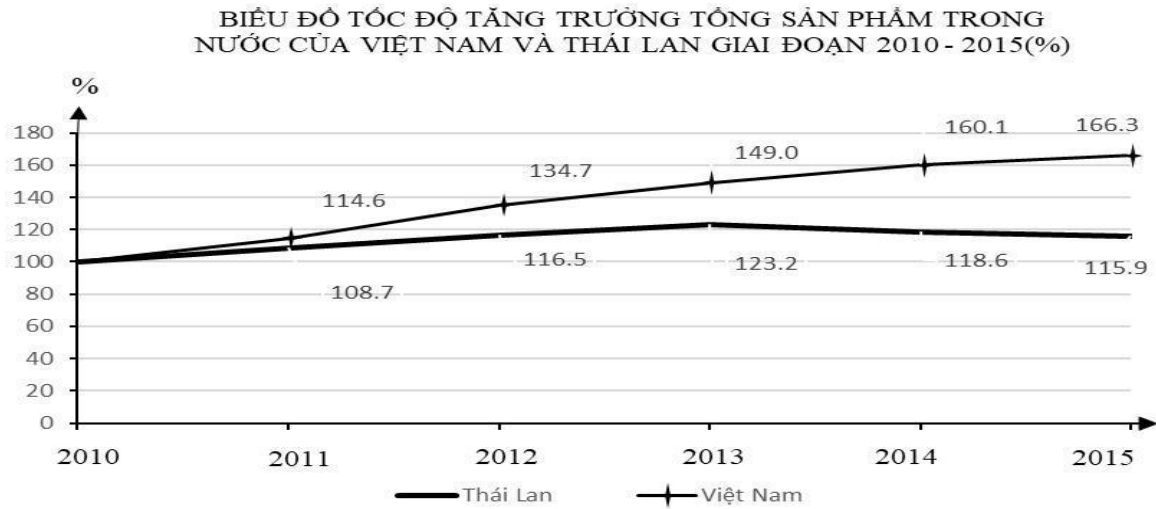
B. Tỷ lệ người già tăng.

D. Tuổi thọ trung bình cao.

Câu 25: Nền kinh tế của Trung Quốc **không có** đặc điểm nào sau đây?

- A. Lúa nước được trồng nhiều nhất ở miền Tây.
- B. Công nghiệp tập trung nhiều ở miền Đông.
- C. Lúa mì trồng nhiều ở đồng bằng Đông Bắc.
- D. Miền Tây thuận lợi cho chăn nuôi cừu và dê.

Câu 26: Cho biểu đồ sau:

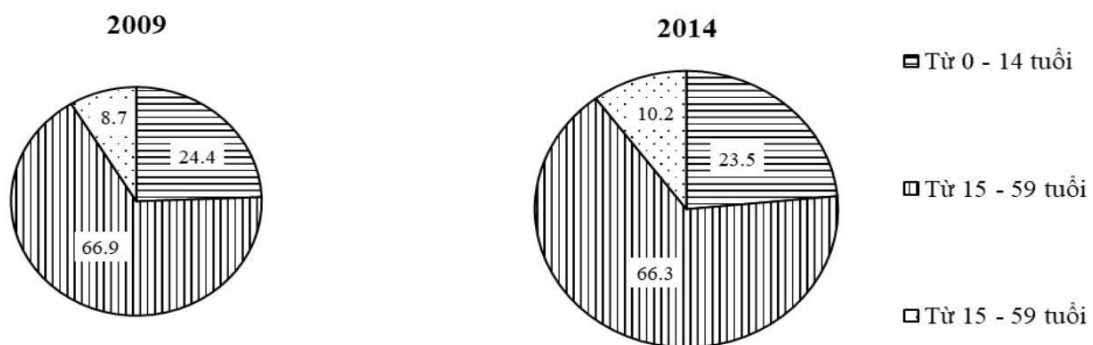


(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của các quốc gia, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Tốc độ tăng trưởng của Thái Lan giảm liên tục.
- B. Tốc độ tăng trưởng của Thái Lan tăng liên tục.
- C. Thái Lan có tốc độ tăng trưởng cao hơn Việt Nam.
- D. Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam tăng liên tục.

Câu 27: Cho biểu đồ về dân số của nước ta phân theo nhóm tuổi qua 2 năm (Đơn vị : %)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2015)

Biểu đồ trên thể hiện đầy đủ nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu dân số phân nhóm tuổi của nước ta giai đoạn từ 2009 đến năm 2014.
- B. Quy mô và cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta năm 2009 và 2014.
- C. Quy mô dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta năm 2009 và 2014.
- D. Tỷ trọng dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta năm 2009 và 2014.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết phát biểu nào sau đây đúng về ngành công nghiệp năng lượng?

- A. Sản lượng điện, dầu thô tăng liên tục qua các năm.
- B. Nhà máy điện Cà Mau sử dụng nguồn than đá để vận hành.
- C. Nhà máy điện Cà Mau sử dụng nguồn khí đốt để vận hành.
- D. Sản lượng điện và than tăng liên tục qua các năm.

Trang 3/4 - Mã đề thi 602

Câu 29: Tỉ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị nông nghiệp nước ta ngày càng tăng liên tục, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. chất lượng con vật nuôi ngày càng cải tiến. B. thị trường ngoài nước ngày càng mở rộng.

C. dịch bệnh gia súc, gia cầm được khống chế. D. các dịch vụ về giống, thức ăn có nhiều tiến bộ. **Câu 30:** Nhân tố chủ yếu nào sau đây tạo thuận lợi cho Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ trồng được cao su,

cà phê?

- A. Địa hình đa dạng. B. Đất badan màu mỡ. C. Nguồn nước dồi dào. D. Có khí hậu mát mẻ.

Câu 31: Nghề khai thác hải sản phát triển mạnh ở Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là do

- A. đường bờ biển kéo dài với nhiều đảo lớn. B. lực lượng lao động đông, có kinh nghiệm.
C. tập trung nhiều ngư trường trọng điểm lớn. D. số ngày đánh bắt hải sản trên biển rất nhiều.

Câu 32: Để tăng vai trò kinh tế của Bắc Trung Bộ đối với các nước láng giềng cần phải

- A. xây dựng đường Hồ Chí Minh. B. nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1.
C. nâng cấp các tuyến đường ngang. D. xây dựng các sân bay của vùng.

Câu 33: Phát triển nào sau đây **không đúng** về ý nghĩa của việc phát triển cây công nghiệp, dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Hạn chế tình trạng du canh, du cư trong vùng. B. Cơ sở để xây dựng các nhà máy thủy điện.
C. Thúc đẩy nông nghiệp hàng hóa phát triển. D. Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Câu 34: Ở Bắc Trung Bộ, rừng phòng hộ chiếm phần lớn diện tích rừng của vùng là do

- A. thiên tai xảy ra trên diện rộng. B. địa hình chủ yếu là đồi núi.
C. lượng mưa tập trung theo mùa. D. hiện tượng cát bay, cát chảy.

Câu 35: Việc thay đổi cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta có nhằm mục đích cơ bản nào sau đây?

- A. Tạo việc làm người dân và nâng cao thu nhập. B. Khai thác tốt nguồn khoáng sản và lao động.
C. Nhằm nâng cao vị thế nền kinh tế nước ta. D. Thích ứng với thị trường trong và ngoài nước.

Câu 36: Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến hoạt động ngoại thương nước ta thời gian qua chủ yếu trong tình trạng nhập siêu?

- A. Xuất khẩu khoáng sản, nhập tư liệu sản xuất. B. Xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài hạn chế.
C. Hàng hóa nhập khẩu với giá thành rất thấp. D. Hàng hóa xuất khẩu với giá thành luôn cao.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành của nước ta, giai đoạn 2008 – 2016.

(Đơn vị: tỉ đồng)

Ngành	2008	2011	2013	2016
Công nghiệp khai thác	146607	274321	394468	365522
Công nghiệp chế biến, chế tạo	300256	371242	477968	642338
Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	49136	81077	11528	188876

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2016)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành của nước ta, giai đoạn 2008 - 2016 theo bảng số liệu trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Cột. D. Kết hợp.

Câu 38: Trong phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ cần đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, nhằm mục đích chủ yếu là

- A. hợp tác tốt với các nước láng giềng về nghề cá. B. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
C. hạn chế tình trạng suy giảm nguồn lợi thủy sản. D. khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Câu 39: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây tạo nên sự đa dạng về hoạt động du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đường bờ biển dài nhất nước ta. B. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh.
C. Tài nguyên du lịch phong phú. D. Nhiều phong cảnh đẹp nổi tiếng.

Câu 40: Giải pháp chủ yếu nào sau đây để khắc phục mặt hạn chế về tài nguyên thiên nhiên trong phát triển công nghiệp cho Đồng bằng sông Hồng?

A. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.

B. Kết nối giao thông vận tải với các vùng.

C. Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến.

----- HẾT -----

- Học sinh được sử dụng *Atlas Địa lí Việt Nam* do NXB Giáo dục phát hành sau năm 2009.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.